

Bản án số: 31/2026/ST-HNGĐ

Ngày 22/01/2026

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Dung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông La Văn Liệu; Ông Trần Doãn Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14 /2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Trọng S - sinh năm 1994 – CCCD 040094019696. Trú tại: Thôn L, xã Y, tỉnh N. Có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Phan Thị Y - sinh năm 1998 – CCCD 04019800026. Trú tại: Thôn C, xã Y, tỉnh N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Trọng S trình bày: Anh Nguyễn Trọng S và chị Phan Thị Y kết hôn vào ngày 14/3/2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã Y, tỉnh N), việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, khiến cho cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng mệt mỏi, hai vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, chị Y về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh S từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm

sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, anh Nguyễn Trọng S làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị Y.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trọng S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh S không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng anh.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị Phan Thị Y đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phan Trọng Sơn; Về con chung: Không có. Về tài sản chung của vợ chồng anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí anh S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú tại Thôn C, xã Y, tỉnh N nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Trọng S và chị Phan Thị Y tại Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh N cho biết, sau khi kết hôn vợ chồng anh S sinh sống tại Thôn L, tỉnh Nghệ An được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thì chính quyền địa phương không biết, hiện tại vợ chồng anh S đang sống ly thân. Quá trình chung sống vợ chồng anh S không có con chung, hiện tại chị Y không có mặt ở địa phương đi đâu, làm gì, địa chỉ cụ thể thì chính quyền, địa phương không biết. Trước khi đi chị Y không khai báo thủ tục cắt thường trú. Tại

biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị V - Trú tại thôn Cao Sơn 9, xã Yên Xuân, tỉnh Nghệ An là mẹ đẻ của chị Phan Thị Y cho biết, sau khi chị Y và anh S kết hôn thì sinh sống tại nhà anh S một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng chị Y không có con chung, năm 2022 chị Y về nhà mẹ sinh sống và đi làm ăn xa từ đó vợ chồng sống ly thân. Hiện tại chị Y đi làm ăn thảnh thơi có gọi điện về thăm gia đình, còn địa chỉ cụ thể của chị Y thì bà V không biết. Bà Vui đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đến tổng đạt cho chị Y và đã thông báo cho chị Y biết việc anh S làm đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án, chị Y cũng nhất trí ly hôn, về con chung: không có; về tài sản chung chị Y không yêu cầu tòa án giải quyết. Như vậy, bị đơn chị Phan Thị Y vắng mặt nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về và cũng không xác định được nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phan Thị Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Phan Thị Y theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phan Thị Y không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy anh Nguyễn Trọng S và chị Phan Thị Y đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã Lĩnh Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã Y, tỉnh Nghệ An), việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị Y là hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng anh S, chị Y phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy anh S và chị Y đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa chị Phan Thị Y vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương và gia đình cho biết: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng anh S và chị Y có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện tại chị Y không có mặt ở địa

phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Nguyễn Trọng S và chị Phan Thị Y không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Trọng S, xét cho anh Nguyễn Trọng S được ly hôn với chị Phan Thị Y.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh S không có con chung.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trọng S và chị Phan Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Trọng S phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Trọng S.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng S được ly hôn với chị Phan Thị Y và chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Anh Nguyễn Trọng S và chị Phan Thị Y không có con chung.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trọng S và chị Phan Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Trọng S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp 300.000 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh N theo biên lai thu tiền số 0001720 ngày 22/10/2025.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND Khu vực 9;
- Cơ quan THADS tỉnh N;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ -VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lữ Thị Dung